TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2020/DS-PT
Ngày: 20-05-2020
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Ngoan**.

Các Thẩm phán: Bà **Lâm Ngọc Tuyền**;

Ông **Nguyễn Thanh Triều**.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lâm Hữu Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Võ Trung Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 129/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 03 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1945 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

- Bị đơn:

1. Bà Trần Thị G, sinh năm 1964 (có mặt).

2. Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1967 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1984 (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1980 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thị G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn K trình bày:

Vào năm 2014 ông Huỳnh Văn K có tham gia chơi 01 dây hụi do ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thị G làm chủ hụi. Hụi gồm 17 phần, hụi loại 6.000.000 đồng/tháng, 03 tháng khui một lần, hình thức khui hụi là bốc thăm, huê hồng cho chủ hụi khi hốt hụi là 1.500.000 đồng. Ông K hốt hụi vào kỳ thứ 17 với số tiền 94.500.000 đồng nhưng khi giao hụi thì ông H, bà G chỉ giao cho ông K số tiền 42.000.000 đồng, còn lại 52.500.000 đồng thì ông H, bà G không giao. Ông H, bà G nói khi nào con của ông K là chị Huỳnh Thị Mỹ Nương trả tiền thiếu nợ cho vợ chồng ông H thì ông H, bà G mới trả đủ tiền hụi cho ông K. Nay ông Huỳnh Văn K yêu cầu ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thị G phải trả cho ông số tiền nợ hụi 52.500.000 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thị G trình bày:

Trước đây con gái của ông Huỳnh Văn K là chị Huỳnh Thị Mỹ N và con rể là anh Nguyễn Văn C có hốt 01 phần hụi của ông H, bà G với số tiền 66.000.000 đồng và còn mượn thêm của ông H, bà G số tiền 51.000.000 đồng để cất nhà. Tổng cộng số tiền mượn và nợ hụi là 117.000.000 đồng. Sau đó, chị N bỏ nhà ra đi, ông H có tới nhà đòi tiền thì anh C nói để vợ chồng anh C bán nhà trả tiền cho ông H. Nhưng sau đó, chị N ủy quyền cho ông K bán căn nhà chung của anh C, chị N mà không trả tiền cho ông H. Ông H cho rằng trong sự việc chị N ủy quyền cho ông K bán nhà là có âm mưu nên ông H mới mượn lại số tiền ông K hốt hụi để chàng hụi vì chị N còn nợ tiền hụi và tiền vay mà chị N bán nhà không trả tiền cho ông. Ông H, bà G thừa nhận còn nợ lại ông K số tiền hụi 52.500.000 đồng nhưng ông bà không đồng ý trả. Ông H, bà G yêu cầu cấn trừ số tiền hụi 52.500.000 đồng vào số tiền nợ 117.000.000 đồng của chị N, anh C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn C trình bày:

Việc tranh chấp nợ hụi giữa ông Huỳnh Văn K với ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thị G thì anh không biết nhưng anh C và chị N có nợ tiền hụi của ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thị G 117.000.000 đồng đang được Tòa án thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác. Ông K khởi kiện yêu cầu ông H, bà G tranh chấp số tiền hụi 52.500.000 đồng không liên quan đến anh.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: - Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về họ, hụi, biêu, phường.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn K.

1. Buộc ông Huỳnh Văn H, bà Trần Thị G có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Văn K số tiền hụi 52.500.000 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 23/9/2019, bị đơn ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thị G có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

Cho ông Huỳnh Văn Hai và bà Trần Thị G được trả dần số tiền 52.500.000 đồng mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thị G thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo đồng ý trả cho ông K số tiền 52.500.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng. Nguyên đơn Huỳnh Văn K không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Mỹ N vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của chị N không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thị G thừa nhận trước đây ông Huỳnh Văn K có tham gia dây hụi mùa 6.000.000 đồng, ba tháng khui hụi 01 lần do ông H và bà G làm đầu thảo, ông K hốt hụi chót được

số tiền 94.500.000 đồng đã trừ huê hồng 1.500.000 đồng xong, ông H và bà G đã giao cho ông K số tiền 42.000.000 đồng còn nợ lại 52.500.000 đồng đến nay chưa giao. Xét lời thừa nhận này của bị đơn ông H và bà G là phù hợp với lời trình bày của ông K, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, buộc ông H và bà G trả cho ông K số tiền 52.500.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ông H và bà G kháng cáo xin trả dần số tiền trên mỗi tháng 4.000.000 đồng, do hiện nay hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn, nhưng ông K không đồng ý và yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật, do đó kháng cáo của ông H và bà G là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông H và bà G không được chấp nhận nên ông H và bà G phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về họ, hụi, biêu, phường.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thị G.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn K.

2/ Buộc ông Huỳnh Văn H, bà Trần Thị G có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Văn K số tiền hụi 52.500.000 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 30 luật dân sự.

3/ Về án phí: Bà Trần Thị G, ông Huỳnh Văn H phải chịu 2.625.000 đồng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền ông H và bà G đã tạm nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 17127 ngày 23/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang. Ông H và bà G phải nộp tiếp số tiền 2.625.000 đồng án phí sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Huỳnh Văn K số tiền tạm ứng án phí là 1.312.500 đồng theo biên lai thu tiền số 16868 ngày 03/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Ngoan